TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2017/DS-ST
Ngày: 30/8/2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Phạm Văn Minh
  2. Bà Trần Thị Ngọc Linh

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Thanh Tuấn – Kiểm sát viên.

**** Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Bích N – sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: xóm 4, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

- Bà Trần Thị L – sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: xóm 6, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

- Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: xóm 7, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1969, ông Trần Văn T – sinh năm 1968 . (có mặt)

Nơi cư trú: xóm 6, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Văn Hữu Đ - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm 4, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

Ông Văn Hữu Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích N tham gia tố tụng

- Ông Nguyễn Minh T – sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm 6, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

Ông Nguyễn Minh T ủy quyền cho bà Trần Thị L tham gia tố tụng

- Ông Trần B – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm 7, thôn P, xã H, huyện T, Bình Thuận

Ông Trần B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các nguyên đơn trình bày:**

- Bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: Do chổ quen biết, cùng xóm làng, năm 2015 bà Nguyễn Thị Bích N cho bà Nguyễn Thị Đ vay 20.000.000 và hẹn trong vòng 03 tháng trả nợ nhưng đến nay bà Đ vẫn chưa trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T cùng có trách nhiệm trả nợ 20.000.000 đồng cho bà N .

- Bà Trần Thị L trình bày: Năm 2016 bà Trần Thị L có chơi 2 phần huê (hụi) của vợ chồng bà Đ, ông T, mỗi phần là 2.000.000 đồng. Đến kỳ bà L hốt cuối cả 2 phần là 48.000.000 đồng thì bà Đ mượn lại và đồng thời vay thêm 40.000.000 đồng tổng cộng là 88.000.000 đồng. Đến tháng 11/2016 hai bên đối chiếu công nợ thì xác định bà Đ còn nợ bà L 57.000.000 đồng. Bà Đ hứa trả dần đến tháng 4/2017 nhưng không thực hiện. Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông T trả nợ 57.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: bà Kim L có chơi 2 phần hụi với vợ chồng bà Đ, ông T với tổng số tiền hốt hụi là 115.000.000 đồng. Khi đến kỳ nhận tiền hụi, bà Đ không giao tiền hụi cho mà vay lại của bà Kim L. Bà Đ chỉ mới trả cho bà Kim L 7.000.000 đồng, nợ lại 108.000.000 đồng hứa trả dần nhưng vẫn không trả. Nay bà Kim L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông T trả nợ 108.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bích N, bà Trần Thị Lvà Nguyễn Thị Kim L đều xác định số tiền các bên giao dịch là tiền riêng của cá nhân, không liên quan đến chồng mình.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Trần Thị L và Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn, bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn T trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T xác định còn nợ của bà Nguyễn Thị Bích N 20.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị L 57.000.000 đồng và nợ Nguyễn Thị Kim L 108.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông T, bà Đ không trả được nợ. Nay ông T, bà Đ đề nghị trả dần hàng tháng cho các nguyên đơn là 1.000.000 đồng, trong đó bà N, bà L mỗi tháng 250.000 đồng, trả cho bà Kim L mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Hữu Đ, Ông Nguyễn Minh T, Ông Trần B cùng trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:** số tiền mà vợ các ông tham gia giao dịch là tiền riêng của vợ, không liên quan gì đến ông Hữu Đ, ông Minh T, ông Trần B. Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo cho việc ra quyết định đúng pháp luật; về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Đ, ông T trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N 20.000.000 đồng, trả cho bà Trần Thị L 57.000.000 đồng và trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim L 108.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T có nơi cư trú tại xóm 6, thôn Phú Hải, xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của các nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

[2] Theo 03 đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L, bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị Bích N, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thụ lý thành 03 vụ án dân sự thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017, số 124/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017 và vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017. Tuy nhiên xét thấy 03 vụ án dân sự đều có cùng bị đơn và cùng một quan hệ pháp luật có tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản. Để thuận tiện cho việc giải quyết vụ án nhanh chóng và đảm bảo đúng pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã nhập 02 vụ án dân sự thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017 và 124/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017 vào vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 08/6/2017.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L , bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị Bích N, HĐXX nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hiện rõ bằng văn bản giao dịch giữa các bên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn và thừa nhận còn nợ tiền của nguyên đơn nên HĐXX có cơ sở xác định thực tế các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản. Mặc dù ban đầu số tiền giao dịch là tiền hụi (huê) nhưng đến kỳ lĩnh tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn và nguyên đơn chấp nhận cho bị đơn vay tiền nên đó là hợp đồng vay tài sản. Nay bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn và chưa trả được nợ thì phải có nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể bà Đ, ông T có nghĩa ngụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích N 20.000.000 đồng, trả cho bà Trần Thị L 57.000.000 đồng và trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim L 108.000.000 đồng.

[4] Về phương thức trả nợ, bị đơn đề nghị trả cho các nguyên đơn 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Do trong quá trình giao dịch các đương sự không có thỏa thuận và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

[5] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Văn Hữu Đ , ông Nguyễn Minh T và ông Trần B xác định không biết gì về việc vay tiền giữa vợ mình với bị đơn và xác định không có liên quan gì đến số tiền này. Do vậy HĐXX chỉ buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải nộp 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hợp đồng vay tài sản như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T phải trả cho Nguyễn Thị Bích N 20.000.000 đồng (bằng chữ: hai mươi triệu đồng).
- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T phải trả cho bà Trần Thị L 57.000.000 đồng (bằng chữ: năm mươi bảy triệu đồng).
- Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 108.000.000 đồng (bằng chữ: một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ , ông Trần Văn T phải nộp 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích N 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013916 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Hoàn lại cho bà Trần Thị L 1.425.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013915 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L 2.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013914 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2017).

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Tuy Phong;*
- *Chi cục THADS H.Tuy Phong;*
- *Cổng TTĐT TAND Tối cao*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Lê Phương